

**Phụ lục**  
**ĐỀ ÁN TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND*  
*ngày /11/2022 của UBND tỉnh)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN ĐƠN VỊ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐA-....

*Hưng Yên, ngày ..... tháng ..... năm 202..*

**ĐỀ ÁN TỰ CHỦ**  
**CỦA.....**

**Phần I**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. Sự cần thiết**

**1. Tình hình chung**

1.1. Theo chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tinh giản số lượng người làm việc và đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) công lập là nhiệm vụ quan trọng, phải tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 07 năm tiếp theo (2023-2030); đến năm 2025 sẽ giảm 10% số lượng người làm việc (NLV) hưởng lương ngân sách nhà nước so với năm 2022.

Do đó, trong giai đoạn 2023-2025 cần có sự chủ động trong công tác triển khai thực hiện nghiên túc chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước đi đôi với thực hiện hiệu quả nhiệm vụ; đáp ứng đủ nhân lực, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội,... để hoàn thành các nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, đảm bảo các mục tiêu về an sinh, xã hội trong tổng thể nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Trong thời gian qua, Trung ương đã ban hành một số chỉ đạo, quy định theo hướng tạo thuận lợi cho chính quyền địa phương chủ động thực hiện xã hội hóa, nâng cao năng lực tự chủ của các ĐVSN công lập, làm cơ sở giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách, điều chỉnh và bổ sung số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp. Trong đó có một số quy định như sau:

(1) Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng ĐVSN công lập: *Xây dựng Đề án tự chủ (bao gồm các nội dung tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính) của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các nội dung theo Đề án tự chủ của đơn vị.*

(2) Điểm a, d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định về trình tự phê duyệt số lượng người làm việc hàng năm như sau:

Đối với ĐVSN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý... Trong thời gian các bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành văn bản hướng dẫn về định mức số lượng người làm việc đối với ĐVSN công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý thì bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các ĐVSN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc ngành, lĩnh vực nêu trên.

1.3. Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục tồn tại, hạn chế, phần đầu đạt mục tiêu đề ra; chú trọng các giải pháp thực hiện tự chủ đối với các đơn vị để tạo chuyển biến căn bản, đặc biệt là tư duy đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý và chất lượng nhân lực thực hiện nhiệm vụ của các ĐVSN công lập.

**2. Tình hình của đơn vị:** Nêu khái quát, tập trung vào các nội dung liên quan sự cần thiết phải xây dựng Đề án như sau:

2.1. Về yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn 2023-2025 theo quy định, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và ngành (định hướng đến 2030 nếu có).

2.2. Về các nội dung liên quan đến Đề án tự chủ của đơn vị:

(1) Chức năng, nhiệm vụ:

(2) Cơ cấu tổ chức, bộ máy:

(3) Tài chính, tài sản:

(4) Nhân lực (số lượng NLV):

(5) Nội dung khác (nếu có)

Từ những nội dung đã nêu trên, việc xây dựng Đề án tự chủ của ..... là cần thiết nhằm thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, bộ, ngành, quy định của pháp luật, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đảm bảo các nguồn lực thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong giai đoạn 2023-2025 và thời gian tiếp theo.

## **II. Cơ sở pháp lý**

1. Văn bản chỉ đạo của Đảng

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII "Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập".

- Kết luận số 74-KL/TW ngày 22/5/2020 của Bộ Chính trị về kết quả 02 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XII và 4 năm thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- .....

2. Quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ; hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong ĐVSN công lập;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- .....

### **3. Chỉ đạo của tỉnh**

- Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/2/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- .....

**Phần II**  
**THỰC TRẠNG TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ**

**I. Thực trạng của đơn vị sự nghiệp**

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của ĐVSN công lập

1.1. Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của đơn vị

1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động của đơn vị

1.3. Cơ chế hoạt động của ĐVSN công lập

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của ĐVSN công lập

Căn cứ lĩnh vực, phạm vi, tính chất hoạt động của ĐVSN công lập để khái quát những yếu tố tác động (thuận lợi, khó khăn...): Nêu những yếu tố đặc thù của đơn vị trong bối cảnh chung và điều kiện liên quan (vị trí địa lý, trình độ dân cư, kinh tế-xã hội,...

3. Thực trạng về tổ chức bộ máy, số lượng NLV của đơn vị

3.1. Về tổ chức bộ máy:

a) Cơ cấu lãnh đạo: Cấp trưởng, cấp phó: Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện,...

b) Số lượng các phòng và tương đương trực thuộc ĐVSN:

- Số lượng hiện trạng;

- Kết quả tinh giản giai đoạn 2016-2021 và thực hiện theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP;

- Đánh giá về cơ cấu tổ chức của đơn vị (thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân).

3.2. Về số lượng người làm việc:

a) Số lượng NLV được UBND tỉnh giao (đối với ĐVSN tự bảo đảm một phần), số lượng NLV ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên tự xác định năm 2023:

- Tổng số lượng NLV;

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Cụ thể như sau:

Stt	Tên đơn vị	Số người làm việc đã giao/phê duyệt năm 2023	
		Hưởng lương ngân sách	Hưởng lương nguồn thu sự nghiệp
1	Lãnh đạo đơn vị		
2	Phòng...		
3	Phòng...		
...			
	<b>Tổng</b>		

b) Số lượng viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, lao động hợp đồng khác hiện có tính đến thời điểm .../.../2023 (thời điểm trình Đề án):

- Viên chức:.....
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:.....
- Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức:.....
- Lao động hợp đồng khác:.....

Cụ thể như sau:

Stt	Tên đơn vị	Tổng số				Số lượng cấp trưởng	Số lượng cấp phó
		Viên chức	HĐ 68	HĐLĐ đối với vị trí viên chức	HĐLĐ khác		
1	Lãnh đạo đơn vị						
2	Phòng...						
3	Phòng...						
	<b>Tổng</b>						

c) Đánh giá chung về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức, lao động hợp đồng (ưu điểm, tồn tại, hạn chế,...).

- Về kết quả tinh giản giai đoạn 2016-2021;
- Về ưu điểm, tồn tại, hạn chế đối với số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức, lao động hợp đồng hiện nay: Trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước,....

### 3.3. Về tài chính:

a) Mức tự chủ năm 2023:.....% tự chủ kinh phí chi thường xuyên (theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày...../...../.....của UBND tỉnh).

b) Khả năng, lộ trình tự chủ trong giai đoạn tiếp theo (2023-2025).

c) Đánh giá chung về tự chủ

- Kết quả, lộ trình tự chủ giai đoạn 2016-2021;
- Ưu điểm, tồn tại, hạn chế theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

## II. Đánh giá chung (khái quát)

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

### **Phần III**

## **PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ**

### **I. Dự báo tình hình giai đoạn 2023-2025**

1. Tình hình chung
2. Tình hình của đơn vị

### **II. Phương án tự chủ:**

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ:

*Đề xuất theo các nội dung cơ bản như sau:*

1.1. Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực được giao: Nêu khái quát các nhóm nhiệm vụ chính, thẩm quyền của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và quy định của pháp luật chuyên ngành.

1.2. Nhiệm vụ khác được cơ quan thẩm quyền giao (cơ quan Trung ương hoặc ngành dọc không thuộc hệ thống cơ quan, đơn vị của tỉnh): Nêu rõ cơ quan giao; nội dung nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện.

- 1.3. Nội dung khác có liên quan.

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy:

*Đề xuất theo các nội dung cơ bản như sau:*

2.1. Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực được giao: Nêu khái quát các nhóm nhiệm vụ chính, thẩm quyền của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và quy định của pháp luật chuyên ngành: Đề xuất phân định theo 03 nhóm, gồm:

a) ĐVSN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) ĐVSN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, ĐVSN công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Việc thành lập các phòng, ban và các tổ chức cấu thành khác không phải là các ĐVSN công lập (sau đây gọi chung là phòng) thuộc ĐVSN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, ĐVSN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên phải đáp ứng các tiêu chí sau: Công việc hoặc lĩnh vực do phòng thực hiện phải có từ 02 mảng công tác trở lên và có quy trình quản lý riêng theo yêu cầu của đối tượng quản lý; khối lượng công việc của phòng yêu cầu phải bố trí từ 07 người làm việc là viên chức trở lên.

*Đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).*

### 2.3. Nội dung khác có liên quan

### 3. Tự chủ về nhân lực

#### 3.1. Nguyên tắc:

a) Căn cứ quy định và danh mục vị trí việc làm (VTVL) được phê duyệt, xác định số lượng người làm việc theo từng VTVL và 04 nhóm theo quy định của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP; tổng số lượng người làm việc không được cao hơn định mức số lượng NLV trong các ĐVSN công lập do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành (nếu có); đảm bảo nhân lực thực hiện nhiệm vụ.

b) Người đứng đầu ĐVSN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, ĐVSN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên chịu trách nhiệm bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

#### 3.2. Đề xuất tổng số lượng người làm việc

Trên cơ sở danh mục VTVL được UBND tỉnh phê duyệt, đề xuất cụ thể số lượng NLV như sau:

##### 3.2.1. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên

Tổng số lượng NLV là ....; bao gồm:

(1) Số lượng NLV hưởng lương từ ngân sách nhà nước (theo số lượng NLV đã được UBND tỉnh giao năm 2022):.....người;

(2) Số lượng NLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (ngoài ngân sách nhà nước cấp):.....người.

Cụ thể như sau:

Stt	Nhóm vị trí việc làm	Số người làm việc	
		Hưởng lương ngân sách	Hưởng lương nguồn thu sự nghiệp
1	Lãnh đạo, quản lý		
2	Chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành		
3	Chuyên môn nghiệp vụ dùng chung		
4	Hỗ trợ phục vụ		
	<b>Tổng</b>		

*Chi tiết tại Danh mục VTVL kèm theo*

\* Lưu ý:

(i1) Đối với đơn vị sự nghiệp đã có văn bản quy phạm pháp luật quy định về định mức biên chế thì trình bày như sau:

- Số lượng NLV theo định mức: .....người;

- Số lượng NLV đề xuất: .....người, trong đó:

+ Số lượng NLV hưởng lương từ ngân sách nhà nước (theo số lượng NLV đã được UBND tỉnh giao): .....người.

+ Số lượng NLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (ngoài ngân sách nhà nước cấp): .....người.

(i2) Đối với các ĐVSN chưa có quy định về định mức biên chế thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và số lượng viên chức, lao động hợp đồng hiện có để xác định số lượng NLV cần thiết (xem xét từ mức trung bình của 5 năm liền kề và dự kiến quy mô, khối lượng công việc, ...).

### 3.2.2. Đối với đơn vị tự đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên

- Tổng số lượng NLV là: ...

Cụ thể như sau:

Stt	Nhóm vị trí việc làm	Số lượng NLV
1	Lãnh đạo, quản lý	
2	Nghề nghiệp chuyên ngành	
3	Nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	
4	Hỗ trợ, phục vụ	
	<b>Tổng</b>	

#### Chi tiết tại Danh mục VTVL kèm theo

- Cơ sở xác định số lượng NLV thực hiện như đối với ĐVSN công lập tự đảm bảo một phần;

- Đề xuất phê duyệt: (i1) ĐVSN công lập trực thuộc Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện: Trình Thủ trưởng Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt. (i2) Đối với ĐVSN công lập trực thuộc UBND tỉnh: Quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

### 3.3. Giải trình lý do đề xuất số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp

#### 3.3.1. Về yêu cầu chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

Tình hình thực hiện nhiệm vụ và quy mô, khối lượng công việc năm 2020, 2021 và năm 2022 (nêu cụ thể số lượng nhiệm vụ tăng, khối lượng công việc tăng); (năm 2022 tăng...% so với năm 2021; năm 2023 tăng...% so với năm 2022).

Thuận lợi, khó khăn trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao (liên quan đến số lượng người làm việc).

3.3.2. Về khả năng tài chính: Đảm bảo khoa học, logic đối với phần thực trạng đã nêu (Chi tiết tại mục 4. Tự chủ về tài chính)

3.3.3. Về các nội dung khác theo tình hình thực tiễn và đề xuất của đơn vị

- .....



#### 4. Tự chủ về tài chính

4.1. Quyết định của UBND tỉnh (cấp huyện) về việc giao quyền tự chủ tài chính về chi thương xuyên cho các ĐVSN công lập;

4.2. Dự kiến thu - chi từ nguồn thu sự nghiệp đảm bảo chi trả lương và chế độ chính sách cho số lượng NLV thuộc phần tự chủ:

- Năm 2022: Tổng số thu hoạt động sự nghiệp (trừ nguồn NSNN cấp tự chủ)...; tổng số chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp... Trong đó, nguồn thu hoạt động sự nghiệp dành ra để chi lương và các khoản theo lương cho số lượng NLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (bao nhiêu người).

- Dự kiến lộ trình cho giai đoạn 2023-2025: Tổng số thu hoạt động sự nghiệp (trừ nguồn NSNN cấp tự chủ)...; tổng số chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp... Trong đó, nguồn thu hoạt động sự nghiệp dành ra để chi lương và các khoản theo lương cho số lượng NLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (bao nhiêu người).

4.3. Dự kiến lộ trình 05 năm theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

4.4. Dự kiến khác (liên quan đặt hàng, giao nhiệm vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật, ....).

### **Phần IV ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

1. Hiệu quả
2. Một số tác động không mong muốn và dự kiến khắc phục

### **Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Đề xuất trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp.
2. Đề xuất nhiệm vụ của một số sở, ban, ngành liên quan.
3. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Ghi chú:** Ngoài những nội dung dự kiến nêu trên, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định chuyên ngành liên quan và tình hình thực tiễn để chủ động đề xuất nội dung khác phù hợp.